

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **30/2024/HS-ST**
Ngày: 19 - 7 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Thỏ.

Ông Trần Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa:

Tại điểm cầu trung tâm: Ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Thuận P – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Giang Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng và điểm cầu thành phần Nhà Tạm giữ Công an thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai, trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18/2024/TLST-HS, ngày 28 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HS, ngày 20 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Vĩ T, sinh ngày 25-7-2003 tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1 và bà Quách Thị H; chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Bị tuyên phạt 04 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án sơ thẩm số 11/2023/HSST ngày 21-4-2022 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (không tính án tích); bị bắt tạm giam từ ngày 14-3-2024; có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Trương Chí N, sinh năm 2001; cư trú tại: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh

Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Cu Đ, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Đặng Chí T2, sinh năm 1992; cư trú tại: Khóm A, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Bà Quách Thị T3, sinh năm 1973 ; cư trú tại: Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Bà Trần Thị Kim S, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Em Trương Chí N1, sinh năm 2006; cư trú tại: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của em Trương Chí N1: Bà Trần Thị Kim S, là mẹ ruột của người làm chứng, cư trú tại: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. Ông Dương Văn N2, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp A, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

4. Bà Quách Thị Ngọc E, sinh năm 1962; cư trú: Ấp A, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong các ngày 16-01-2024 và ngày 02-03-2024 bị cáo Lê Vĩ T đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, tại ấp A, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang, và ấp V, xã V, thị xã N. Cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 16-01-2024 bị cáo Lê Vĩ T đi đến nhà của ông Dương Văn N2 (ở ấp A, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang) để làm thuê. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày 16-01-2024 có vợ chồng ông Nguyễn Cu Đ và bà Nguyễn Thị B (ở ấp T, xã L, huyện T) đến chơi, nên ông Dương Văn N2 tổ chức tiệc rượu và mời bị cáo Lê Vĩ T cùng dự tiệc, trong lúc uống rượu ông Nguyễn Cu Đ có để chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A77S trong túi xách và treo ở hành lang nhà, sau khi uống hết 01 lít rượu thì bị cáo Lê Vĩ T nói say rượu và từ giã ra về, lúc này bị cáo Lê Vĩ T lợi dụng sơ hở đã lén lút mở túi xách của ông Nguyễn Cu Đ lấy cắp chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A77S bỏ vào túi quần, rồi bị cáo Lê Vĩ T đi bộ đoạn đường thì đón xe đi về đến nhà của bà Quách Thị T3 (đi ruột của bị cáo) ở khóm T, Phường B, thị xã N. Đến ngày 17-01-2024 bị cáo Lê Vĩ T nói với bà T3: “*ở S mới về hết tiền*” và nhờ bà T3 bán dùm chiếc điện thoại, nghe vậy bà Quách Thị T3 cầm chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A77S của bị cáo đi ra cửa hàng điện thoại T2 (ở Khóm A, Phường A, thị xã N) bán cho anh Đặng Chí T2 (chủ cửa

hàng) được số tiền 2.000.000 đồng, sau đó bà T3 đem tiền về giao lại cho bị cáo, thì bị cáo Lê Vĩ T cho lại bà T3 số tiền 500.000 đồng để tiêu xài.

Sau khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm của bị hại ông Nguyễn Cu Đ, Công an xã T, huyện L phối hợp cùng với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã N tiến hành mời bị cáo Lê Vĩ T đến cơ quan Công an để làm việc, thì bị cáo Lê Vĩ T đã thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, đến ngày 22-01-2024 anh Đặng Chí T2 (chủ cửa hàng điện thoại T2) giao nộp lại chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A77S cho Công an xã T, huyện L thu giữ để xử lý. Ngày 06-5-2024 bà T3 cũng giao nộp lại số tiền 500.000 đồng cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã N.

Theo kết luận định giá tài sản số: 11/KL-HĐĐG ngày 20-02-2024, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện L, điện thoại di động hiệu OPPO A77S của bị hại Nguyễn Cu Đ trị giá còn lại số tiền 2.333.000 đồng.

Lần 2: Khoảng 15 giờ ngày 02-03-2024 bị cáo Lê Vĩ T từ nhà đi bộ đến nhà của anh Trương Chí N (cùng ở ấp V, xã V, thị xã N) ngồi nói chuyện chơi, đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày 02-03-2024 khi thấy anh Trương Chí N bỏ đi ra ngoài làm công việc, còn bà Trần Thị Kim S (mẹ ruột anh N) đang tắm rửa cho cháu nội, thì bị cáo Lê Vĩ T đã lén lút mở cửa tủ chén lấy cắp chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A55 của anh Trương Chí N cầm trên tay, rồi bị cáo Lê Vĩ T đi bộ về nhà của bị cáo và cất giấu chiếc điện thoại di động ở khe hở của chiếc giường ngủ. Sau đó anh Trương Chí N kiểm tra phát hiện bị mất chiếc điện thoại di động liền trình báo cho Công an xã V, sau khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm của bị hại Trương Chí N, Công an xã V tiến hành mời bị cáo Lê Vĩ T về cơ quan Công an để làm việc, thì bị cáo Lê Vĩ T đã thừa nhận hành vi phạm tội nêu trên, đồng thời chỉ chỗ cất giấu chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A55 để cho Công an xã V đến thu giữ để xử lý.

Theo kết luận định giá tài sản số: 15/KL-HĐĐG ngày 15-03-2024, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thị xã N, điện thoại di động hiệu OPPO A55 của bị hại Trương Chí N trị giá còn lại số tiền 2.260.000 đồng.

Vật chứng của vụ án gồm:

- Ngày 22-01-2024 Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện L đã thu giữ chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A77S, và đến ngày 08-4-2024 đã trao trả lại cho bị hại Nguyễn Cu Đ quản lý sử dụng;

- Ngày 01-4-2024 Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thị xã N thu giữ chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A55, và đến ngày 05-5-2024 đã trao trả lại cho bị hại Trương Chí N quản lý sử dụng.

- Ngày 06-5-2024 Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thị xã N tiếp nhận số tiền 500.000 đồng do bà Quách Thị T3 giao nộp, đã niêm phong và gửi tại Kho bạc thị xã N quản lý.

Về trách nhiệm dân sự:

- Các bị hại Nguyễn Cu Đ và Trương Chí N đã nhận lại tài sản, nên không yêu cầu bị cáo Lê Vĩ T bồi thường thiệt hại gì thêm.

- Anh Đặng Chí T2 (chủ cửa hàng điện thoại di động T2) là người mua lại chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A77S của bà Quách Thị T3, có đơn yêu cầu bị cáo Lê Vĩ T trả lại số tiền 2.000.000 đồng.

Cáo trạng số 24/CT-VKSNN ngày 28-5-2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng truy tố bị cáo Lê Vĩ T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng giữ quyền công tố đã luận tội và tranh luận; sau khi phân tích hành vi, mức độ phạm tội, các tình tiết định tội, định khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị tuyên buộc bị cáo trả lại cho anh Đặng Chí T2 số tiền 2.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng, đề nghị giao Cơ quan thi hành án dân sự số tiền 500.000 đồng để bảo đảm thi hành trách nhiệm dân sự trừ vào số tiền 2.000.000 đồng mà bị cáo có nghĩa vụ trả lại cho anh Đặng Chí T2.

Đối với hành vi của bị cáo Lê Vĩ T vào ngày 24-10-2023 trộm cắp 04 con vịt đẻ của ông Nguyễn Văn H1, vào ngày 07-02-2024 trộm cắp 01 con gà trống 2 của ông Nguyễn Hoàng T4 chưa đủ cấu thành tội phạm nên Kiểm sát viên đề nghị xem xét xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với bà Quách Thị T3 sau khi được bị cáo Lê Vĩ T nhờ đi bán dùm chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A77S, thì lúc đó bà Quách Thị T3 không biết chiếc điện thoại này do bị cáo Lê Vĩ T phạm tội mà có, nên không xem xét trách nhiệm hình sự là phù hợp theo quy định.

- Bị cáo Lê Vĩ T thống nhất với bản cáo trạng, thừa nhận cáo trạng truy tố đúng với toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Trong phần tranh luận, bị cáo thống nhất với tội danh và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên; Cơ quan điều tra Công an thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, Kiểm sát viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết

định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Đặng Chí T2 và những người làm chứng: Xét thấy, các bị hại đều không có yêu cầu trách nhiệm dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Đặng Chí T2 có đơn xin xét xử vắng mặt; những người làm chứng đều đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra và việc vắng mặt của họ không làm cản trở đến việc xét xử vụ án. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Đặng Chí T2 và những người làm chứng.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố. Lời thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai, tường trình của bị cáo, của bị hại và những người làm chứng trong quá trình điều tra. Lời khai của bị cáo còn phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án. Cụ thể vào các ngày 16-01-2024 và ngày 02-03-2024, bị cáo Lê Vĩ T đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Cu Đ, (tại địa chỉ ấp A, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang) 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A77S giá trị số tiền 2.333.000 đồng; và trộm cắp tài sản của anh Trương Chí N (ở ấp V, xã V, thị xã N) 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A55 giá trị số tiền 2.260.000 đồng. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Vĩ T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng truy tố đối với hành vi của bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan cho bị cáo.

[4] Hành vi của bị cáo đã thực hiện là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, đã bị kết án phạt tù 01 lần cũng chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” nhưng bị cáo vẫn chưa thật sự cải tạo tốt mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội lần này. Do đó, HĐXX xét thấy cần có mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định mức hình phạt, HĐXX xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sau đây của bị cáo:

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 16-01-2024 bị cáo Lê Vĩ T trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Cu Đ với giá trị 2.333.000 đồng và ngày 02-3-2024 trộm cắp tài sản của anh Trương Chí N có giá trị 2.260.000 đồng thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tài sản mà bị cáo Lê Vĩ T chiếm đoạt đều được thu hồi và trả lại cho các bị hại nên hành vi phạm tội của bị

cáo gây thiệt hại không lớn. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về nhân thân: Bị cáo Lê Vĩ T đã từng bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản tại Bản án số 11/2022/HSST ngày 21-4-2022 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng nhưng tại thời điểm kết án bị cáo dưới 18 tuổi nên không được coi là có án tích.

[9] Về hình phạt bổ sung: HĐXX xét tính chất của vụ án và hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và thể hiện rõ ý kiến không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Đặng Chí T2 đã giao nộp tài sản mà bị cáo chiếm đoạt để trả lại cho bị hại và có đơn yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý trả lại cho anh Đặng Chí T2 2.000.000 đồng nên HĐXX ghi nhận.

[11] Về xử lý vật chứng: Trong giai đoạn điều tra đã xử lý vật chứng đúng quy định. Đối với số tiền 500.000 đồng do bà Quách Thị T3 giao nộp được niêm phong gửi tại Kho bạc thị xã N nên cần giao cho Cơ quan thi hành án dân sự quản lý để bảo đảm thi hành án về trách nhiệm dân sự của bị cáo.

[12] Đối với hành vi của bị cáo Lê Vĩ T vào ngày 24-10-2023 trộm cắp 04 con vịt đẻ của ông Nguyễn Văn H1, vào ngày 07-02-2024 trộm cắp 01 con gà trống 2 của ông Nguyễn Hoàng T4 chưa đủ cấu thành tội phạm nên Kiểm sát viên đề nghị xem xét xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định.

[13] Đối với bà Quách Thị T3 sau khi được bị cáo Lê Vĩ T nhờ đi bán dùm chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A77S, thì lúc đó bà Quách Thị T3 không biết chiếc điện thoại này do bị cáo Lê Vĩ T phạm tội mà có, nên không xem xét trách nhiệm hình sự là phù hợp theo quy định.

[14] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[15] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với phần trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự, theo quy định tại các điểm a, f, g khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38, Điều 47; Điều 50; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 106, khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, f, g khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt tạm giam là ngày 14-3-2024.

2. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Văn T trả lại cho anh Đặng Chí T2 số tiền 2.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Giao số tiền Việt Nam là 500.000 đồng cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tiếp tục quản lý để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo Lê Văn T về trách nhiệm dân sự cho anh Đặng Chí T2 khi có đơn yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CQCSĐT Công an thị xã Ngã Năm;
- CQTHAHS Công an thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- UBND xã Vĩnh Quới;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Lâm